

QUỸ ETF SSIAM VNX50**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**Số/No. *M94* 2020/TB-SSIAM-NVQHà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2020
Hanoi, 04 December 2020**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI****ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: **03/12/2020**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
<i>Order</i>	<i>Securities symbol</i>	<i>Volume</i>	<i>Weight</i>
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2,900	5.5%
2	BID	220	0.6%
3	BVH	100	0.4%
4	CII	260	0.3%
5	CTD	50	0.2%
6	CTG	1,020	2.4%
7	DXG	610	0.6%
8	EIB	1,440	1.7%
9	FLC	780	0.2%
10	FPT	860	3.3%
11	GAS	130	0.8%
12	GEX	480	0.7%
13	GMD	340	0.7%
14	HCM	160	0.3%
15	HDB	1,530	2.4%
16	HPG	2,500	6.2%

*nl*

17	HSG	420	0.5%
18	KBC	450	0.5%
19	KDH	500	0.9%
20	MBB	2,280	3.4%
21	MSN	560	3.3%
22	MWG	400	3.2%
23	NLG	200	0.4%
24	NVL	470	2.0%
25	PDR	210	0.6%
26	PHR	60	0.3%
27	PLX	180	0.6%
28	PNJ	240	1.3%
29	POW	640	0.5%
30	PVD	290	0.3%
31	PVS	300	0.3%
32	REE	190	0.6%
33	ROS	770	0.1%
34	SAB	90	1.2%
35	SBT	320	0.4%
36	SHB	1,800	2.2%
37	SSI	490	0.7%
38	STB	2,360	2.5%
39	TCB	3,370	5.9%
40	TCH	260	0.4%
41	VCB	560	3.7%
42	VCS	100	0.6%
43	VHC	110	0.3%
44	VHM	1,130	6.7%
45	VIC	1,340	9.8%
46	VJC	360	3.0%
47	VNM	1,220	9.3%
48	VPB	2,350	4.5%
49	VPI	100	0.2%
50	VRE	1,240	2.5%
II	Tiền/Cash (VND)	13,709,286	

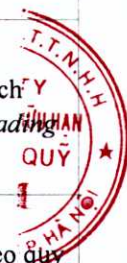
- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoáan đôi/ *Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket in value</i>	1,419,493,600 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value of an ETF Creation Unit</i>	1,433,202,886 VND
+ Giá trị chênh lệch/ <i>Cash Component</i>	13,709,286 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Options to Investors:*

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer Cash Component*
- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	55,800	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	19,700	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	93,500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	27,300	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
5	EIB	17,200	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	FPT	55,600	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	GMD	29,450	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



[Handwritten signature]

8	MBB	21,350	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	MWG	114,000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	REE	48,300	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
11	PNJ	77,000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	TCB	25,100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 03/12/2020	Kỳ trước/Last Period 02/12/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	13,500,000	13,500,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	14,400	14,390	10
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date của quỹ ETF/ of the Fund	193,482,389,651	192,732,320,666	750,068,985
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,433,202,886	1,427,646,819	5,556,067
của 1 CCQ/ per Share	14,332.02	14,276.46	55.56
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,635.35	1,626.19	9.16

Đại diện tổ chức

Organization representative



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Lê Hằng